TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1220/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Nguyễn Thành Thông

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3915/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: 173 Đường B, phường Q, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyen Huu T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Quốc tịch: Úc

Địa chỉ: Revesby NSW 2212, Australia.

Các đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen Huu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và

được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 666, Quyển số 03 ngày 22/02/2008. Sau khi kết hôn, ông T quay trở về Australia sinh sống và làm việc, còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường xuyên liên hệ với nhau qua điện thoại nhưng do xa cách địa lý nên hai bên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2010 đến nay, bà và ông T đã cắt đứt mọi liên hệ. Bà xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyen Huu T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản khai ngày 31/7/2019 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 31/7/2019 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney, Australia), bị đơn là ông Nguyen Huu T xác nhận lời trình bày của bà P về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà P xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà P. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy bà P và ông Nguyen Huu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện đang cư trú tại Australia nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Kim P được ly hôn ông Nguyen Huu T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà P và ông T thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà P và ông T không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà P và ông T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P yêu cầu được ly hôn với ông T là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Kim P và ông Nguyen Huu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Trần Thị Kim P chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim P được ly hôn với ông Nguyen Huu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 666, Quyển số 03 ngày 22/02/2008 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Kim P và ông Nguyen Huu T không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Kim P và ông Nguyen Huu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Trần Thị Kim P chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà P đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0042905 ngày 08/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Trần Thị Kim P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Nguyen Huu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**HỘI THẨM NHÂN DÂN**	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Thị Nhanh	**Nguyễn Thành Thông**	**Lưu Thị Thủy Tiên**

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên